ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 366 /QĐ-ĐHKH	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên khóa 11, 12, 13 và 14 học kỳ I năm học 2016-2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12 /2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ biên bản họp ngày 30/3/2017 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập, học kỳ I năm học 2016-2017 cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016 – 2017 cho 133 sinh viên khóa 11, 12, 13 và 14 hệ đại học chính quy (*có danh sách kèm theo),* trong đó:

- 48 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.
- 51 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi.
- 34 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá.

Điều 2. Các mức học bổng cụ thể như sau:

Loại học bổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Số tiền	3.750.000 VNĐ/học kỳ	3.400.000 VNĐ/học kỳ	3.050.000 VNĐ/học kỳ

Tổng số tiền chi cho sinh viên nhận học bổng là: 457.100.000VNĐ (Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng chẵn), trong đó:

- Tổng số tiền chi cho sinh viên Xuất sắc: 180.000.000VNĐ (Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

- Tổng số tiền chi cho sinh viên Giỏi: 173.400.000VNĐ (Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

- Tổng số tiền chi cho sinh viên Khá: 103.700.000VVNĐ (Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Edocman, Website; SMS;
- Lưu: VT, CT HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TS. Nguyễn Văn Đăng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11, 12, 13 VÀ 14 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số 366/QĐ-ĐHKH ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp quản lý	Số tài khoản Ngân hàng Aribank của sinh viên	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)
1	DTZ1354601010017	NGUYỄN THỊ MAI	HỒNG	08/11/1994	Toán học K11	8500220023464	3.80	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
2	DTZ1354601010019	HÀ THỊ THANH	HƯỜNG	05/06/1993	Toán học K11	8500220023412	3.80	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
3	DTZ1354601120016	PHAN THỊ	BÌNH	14/09/1995	Toán- Tin ứng dụng K11	8500220034402	4.00	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
4	DTZ1454601010031	TRẦN THỊ	NHUNG	23/11/1995	Toán học K12	8500220042590	3.53	92	Giỏi	680,000	3,400,000
5	DTZ1654601010004	ĐINH KIM	CHI	12/07/1998	Toán học K14	8500220061571	3.41	87	Giỏi	680,000	3,400,000
6	DTZ1354401020012	ĐỖ THỊ	NGÂN	17/08/1995	Vật lí K11	8500220025707	4.00	95	Xuất sắc	750,000	3,750,000
7	DTZ1455104030058	NGÔ THỊ	HẠNH	23/09/1996	Hóa dược K12	8500220043960	3.71	81	Giỏi	680,000	3,400,000
8	DTZ1455104030057	TÔ THỊ	PHƯƠNG	08/05/1996	Hóa dược K12	8500220043484	3.58	82	Giỏi	680,000	3,400,000
9	DTZ1454401120011	LÊ THU	TRANG	10/12/1996	Hóa học K12	8501205073570	3.05	82	Khá	610,000	3,050,000
10	DTZ1557204030033	ĐÀO THỊ THU	HÀ	23/12/1997	Hóa dược K13	8500220052298	3.37	82	Giỏi	680,000	3,400,000
11	DTZ1454401120002	HOÀNG THỊ	LỤA	07/12/1996	Hóa học K12	8500220046510	3.05	75	Khá	610,000	3,050,000
12	DTZ1454401120012	NGUYỄN THỊ	TƯƠI	07/07/1996	Hóa học K12	8500220054705	2.90	87	Khá	610,000	3,050,000
13	DTZ1555104010010	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	28/03/1997	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K13	8500220054842	3.67	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
14	DTZ1655104010005	ĐẶNG MÙI	DẤT	29/09/1998	Công nghệ kỹ thuật Hóa học - K14	8500220059297	3.55	87	Giỏi	680,000	3,400,000
15	DTZ1354402170034	HOÀNG VĂN	TUẤN	25/12/1993	Địa lí K11	8500220033179	3.45	94	Giỏi	680,000	3,400,000
16	DTZ1354403010150	LƯỜNG THỊ	TRANG	06/02/1995	Khoa học Môi trường K11	8500220029402	4.00	98	Xuất sắc	750,000	3,750,000
17	DTZ1354403010020	ĐỖ THỊ KIM	LIÊN	28/05/1995	Khoa học Môi trường K11	8500220025418	4.00	95	Xuất sắc	750,000	3,750,000
18	DTZ1354403010121	PHẠM THỊ	LIÊN	26/04/1995	Khoa học Môi trường K11	8500220030164	4.00	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
19	DTZ1354403010037	PHẠM THỊ	QUYÊN	19/08/1995	Khoa học Môi trường K11	8500220023970	3.87	95	Xuất sắc	750,000	3,750,000
20	DTZ1354403010031	ĐÀO THỊ HẢI	NGỌC	12/08/1995	Khoa học Môi trường K11	8500220024908	3.87	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
21	DTZ1358501010032	VŨ THANH THANH	HIỀN	20/12/1995	Quản lý tài nguyên môi trường K11	8005205035671	4.00	94	Xuất sắc	750,000	3,750,000
22	DTZ1358501010060	TẢN LƯU	MẢY	20/01/1995	Quản lý tài nguyên môi trường K11	8500220027210	3.88	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
23	DTZ1358501010033	LƯƠNG THỊ	HOA	20/03/1995	Quản lý tài nguyên môi trường K11	8500220027284	3.75	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
24	DTZ1454402170024	ĐỒNG THỊ	NHẪN	22/03/1996	Địa lí K12	8500220047745	3.27	92	Giỏi	680,000	3,400,000
25	DTZ1454403010010	NGUYỄN THỊ	HIỀN	13/03/1996	Khoa học Môi trường K12	8500220038767	3.69	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
26	DTZ1458501010033	HOÀNG THỊ	LAN	24/04/1996	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	8500220040247	3.82	96	Xuất sắc	750,000	3,750,000
27	DTZ1458501010026	TRẦN THỊ THU	THÙY	04/03/1995	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	8500220040390	3.59	90	Giỏi	680,000	3,400,000

28	DTZ1458501010031	NGUYỄN PHƯƠNG	LY	16/06/1995	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	8500220041539	3.50	85	Giỏi	680,000	3,400,000
29	DTZ1458501010059	NGUYỄN THU	THỦY	02/11/1996	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	8500220040349	3.45	83	Giỏi	680,000	3,400,000
30	DTZ1554402170004	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	27/06/1997	Địa lí K13	8500220051946	2.76	91	Khá	610,000	3,050,000
31	DTZ1554403010008	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	11/11/1995	Khoa học Môi trường K13	8500220051578	3.56	90	Giỏi	680,000	3,400,000
32	DTZ1558501010026	TRẦN NGỌC	SƠN	25/07/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường K13	8500220051040	3.41	92	Giỏi	680,000	3,400,000
33	DTZ1658501010014	VŨ THỊ	KHÁNH	02/09/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường - K14	8500220062942	2.89	84	Khá	610,000	3,050,000
34	DTZ1354202010091	NGUYỄN THANH	HUYỀN	24/12/1994	Công nghệ sinh học K11	7900205177567	3.81	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
35	DTZ1354202010074	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	06/05/1994	Công nghệ sinh học K11	8500220035615	3.63	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
36	DTZ1354202010080	ĐINH THỊ THÚY	HIỀN	15/06/1995	Công nghệ sinh học K11	8500220035644	3.88	83	Giỏi	680,000	3,400,000
37	DTZ1354201010018	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/02/1995	Sinh học K11	8500220035197	3.43	87	Giỏi	680,000	3,400,000
38	DTZ1454202010001	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	17/03/1996	Công nghệ sinh học K12	8500220038041	3.65	81	Giỏi	680,000	3,400,000
39	DTZ1554202010006	LÊ QUỲNH	MAI	03/11/1997	Công nghệ sinh học K13	8500220050648	2.80	84	Khá	610,000	3,050,000
40	DTZ1353202020026	BÙI THỊ THÙY	DƯƠNG	22/08/1994	Thư viện & Thiết bị trường học K11	8500220036828	3.82	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
41	DTZ1453202020006	ĐỖ PHƯƠNG	ĐÔNG	05/07/1995	Thư viện & Thiết bị trường học K12	8500220044747	3.71	98	Xuất sắc	750,000	3,750,000
42	DTZ1652202010001	NGUYỄN MINH	LỘC	24/10/1998	Tiếng Anh - K14	8500220063140	3.60	89	Giỏi	680,000	3,400,000
43	DTZ1353404010025	TRIỆU THỊ	VIỆN	10/05/1995	Khoa học quản lí K11	8500220028270	3.69	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
44	DTZ1353404010066	LÙ THỊ MINH	THÚY	04/01/1994	Khoa học quản lí K11	8500220027827	3.63	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
45	DTZ1353404010084	BẢN VĂN	LỢI	20/05/1992	Khoa học quản lí K11	8500220030460	3.63	95	Xuất sắc	750,000	3,750,000
46	DTZ1353404010036	VŨ THỊ	NGA	03/04/1995	Khoa học quản lí K11	8500220028366	4.00	81	Giỏi	680,000	3,400,000
47	DTZ1353801010071	HỒ THỊ	PHƯƠNG	13/07/1995	Luật K11	8500220022620	3.80	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
48	DTZ1353801010091	TRẦN THỊ THU	HẠNH	16/12/1995	Luật K11	8500220024660	3.67	92	Xuất sắc	750,000	3,750,000
49	DTZ1353801010078	PHÙNG THỊ	PHƯỢNG	20/10/1994	Luật K11	8500220024858	3.67	83	Giỏi	680,000	3,400,000
50	DTZ1353801010116	NINH THỊ	HƯƠNG	22/10/1995	Luật K11	8500220037111	3.67	83	Giỏi	680,000	3,400,000
51	DTZ1457601010030	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	27/09/1996	Công tác xã hội K12	8500220040609	3.53	92	Giỏi	680,000	3,400,000
52	DTZ1457601010130	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	15/07/1995	Công tác xã hội K12	8500220045648	3.33	95	Giỏi	680,000	3,400,000
53	DTZ1457601010119	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	21/03/1996	Công tác xã hội K12	8500220045812	3.26	95	Giỏi	680,000	3,400,000
54	DTZ1457601010019	MA THỊ	NGOÃN	26/06/1996	Công tác xã hội K12	8500220041240	3.21	93	Giỏi	680,000	3,400,000
55	DTZ1357601010106	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	18/04/1995	Công tác xã hội K12	8009205032238	3.19	84	Khá	610,000	3,050,000
56	DTZ1457601010037	LÊ THỊ THÙY	TRANG	15/09/1996	Công tác xã hội K12	8500220040819	3.16	86	Khá	610,000	3,050,000
57	DTZ1457601010004	BẢN THỊ	THẮM	07/02/1996	Công tác xã hội K12	8500220041784	3.11	84	Khá	610,000	3,050,000
58	DTZ1457601010071	LÝ THỊ	THÙY	09/03/1996	Công tác xã hội K12	8500220041227	3.11	86	Khá	610,000	3,050,000
59	DTZ1453404010097	CAO THỊ HIỀN	TRANG	30/09/1995	Khoa học quản lí K12	8500220043977	3.53	92	Giỏi	680,000	3,400,000
60	DTZ1453404010050	NÔNG VĂN	SỐNG	08/04/1996	Khoa học quản lí K12	8500220038960	3.26	94	Giỏi	680,000	3,400,000
61	DTZ1453404010077	VŨ THỊ MAI	HIÊN	02/06/1994	Khoa học quản lí K12	8500220044073	3.06	91	Khá	610,000	3,050,000
62	DTZ1453801010047	CAO THỊ KIM	HUẾ	30/11/1996	Luật K12	8500220044219	4.00	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
63	DTZ1453801010206	NGÔ THẢO	ANH	05/11/1996	Luật K12	8500220046380	4.00	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000

64	DTZ1453801010146	LÊ THỊ	THƯƠNG	01/12/1996	Luật K12	8500220046027	3.88	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
65	DTZ1453801010186	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	21/01/1996	Luật K12	8500220046266	3.81	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
66	DTZ1453801010119	TRẦN MAI	HƯƠNG	25/11/1996	Luật K12	8103205052976	3.81	100	Xuất sắc	750,000	3,750,000
67	DTZ1453801010185	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	17/10/1996	Luật K12	8500220046250	3.81	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
68	DTZ1557601010113	TẨN MÍ	CHIÊU	20/03/1997	Công tác xã hội K13 - A	8500220055040	3.38	91	Giỏi	680,000	3,400,000
69	DTZ1557601010014	LÒ A	CÔNG	01/04/1996	Công tác xã hội K13 - A	8500220053340	3.10	83	Khá	610,000	3,050,000
70	DTZ1557601010112	TAO THỊ	QUỲNH	20/03/1997	Công tác xã hội K13 - A	8500220056282	3.10	84	Khá	610,000	3,050,000
71	DTZ1557601010001	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	16/10/1997	Công tác xã hội K13 - B	8500220053160	3.19	81	Khá	610,000	3,050,000
72	DTZ1557601010050	NÔNG HỒNG NHUNG	LỤA	14/06/1997	Công tác xã hội K13 - B	8500220053790	3.10	91	Khá	610,000	3,050,000
73	DTZ1553404010020	LÒ VĂN	MINH	03/11/1996	Khoa học quản lý K13	8500220054133	3.39	92	Giỏi	680,000	3,400,000
74	DTZ1553801010263	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUỲNH	05/05/1997	Luật K13 - A	8500220050018	3.81	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
75	DTZ1553801010296	BÙI ANH	TUẤN	18/01/1997	Luật K13 - A	8500220055375	3.81	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
76	DTZ1553801010146	LƯỜNG THỊ	MY	16/01/1996	Luật K13 - B	8500220049871	3.63	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
77	DTZ1553801010324	HOÀNG THỊ	BẠCH	12/11/1996	Luật K13 - B	8500220055460	3.19	78	Khá	610,000	3,050,000
78	DTZ1553801010254	VY HỒNG	HƯỜNG	02/06/1996	Luật K13 - B	8500220055070	3.06	76	Khá	610,000	3,050,000
79	DTZ1553801010295	NGUYỄN THỊ	TRANG	01/11/1997	Luật K13 - C	8500220055504	3.50	95	Giỏi	680,000	3,400,000
80	DTZ1553801010193	LÒ THỊ	THANH	08/05/1997	Luật K13 - C	8500220049655	3.31	82	Giỏi	680,000	3,400,000
81	DTZ1553801010179	TRẦN HỒNG	QUANG	05/03/1996	Luật K13 - C	8500220048840	3.19	86	Khá	610,000	3,050,000
82	DTZ1553801010152	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/10/1997	Luật K13 - D	8500220047830	3.88	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
83	DTZ1553801010089	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	01/09/1996	Luật K13 - D	8500220050103	3.31	92	Giỏi	680,000	3,400,000
84	DTZ1553801010012	HOÀNG THỊ	CHỊ	20/05/1996	Luật K13 - D	8500220048068	3.13	78	Khá	610,000	3,050,000
85	DTZ1657601010015	NÔNG THỊ THU	THẢO	16/08/1996	Công tác xã hội - K14	8500220062749	3.50	77	Khá	610,000	3,050,000
86	DTZ1657601010004	HOÀNG BÍCH	NGỌC	16/07/1997	Công tác xã hội - K14	8500220078075	3.31	77	Khá	610,000	3,050,000
87	DTZ1657601010016	SÙNG THỊ	VI	05/06/1997	Công tác xã hội - K14	8500220062597	3.19	76	Khá	610,000	3,050,000
88	DTZ1657601010009	LY PHÍ	XẠ	15/04/1998	Công tác xã hội - K14	8500220063105	3.19	78	Khá	610,000	3,050,000
89	DTZ1657601010104	PHÌN THỊ	HẬU	01/04/1997	Công tác xã hội - K14	8500220078500	3.19	78	Khá	610,000	3,050,000
90	DTZ1653404010026	LÊ THỊ	HUYỀN	14/09/1998	Khoa học quản lý - K14	8500220060425	3.44	87	Giỏi	680,000	3,400,000
91	DTZ1653404010011	TRIỆU MÙI	SAO	26/09/1998	Khoa học quản lý - K14	8500220059738	3.38	82	Giỏi	680,000	3,400,000
92	DTZ1653801010023	NGUYỄN HUY	HOÀNG	08/01/1998	Luật K14 - A	8500220057408	3.33	80	Giỏi	680,000	3,400,000
93	DTZ1653801010020	TRƯƠNG THU	THẢO	23/04/1998	Luật K14 - A	8500220057370	3.16	83	Khá	610,000	3,050,000
94	DTZ1653801010011	TRIỆU THỊ NGUYỆT	THỦY	05/05/1987	Luật K14 - A	8500220057312	3.73	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
95	DTZ1653801010179	ĐÀM THỊ	MINH	16/05/1997	Luật K14 - B	8500220058590	3.07	81	Khá	610,000	3,050,000
96	DTZ1653801010113	HOÀNG THỊ	LEN	04/09/1998	Luật K14 - B	8305205034129	3.00	78	Khá	610,000	3,050,000
97	DTZ1653801010095	HỒ THỊ	CHUNG	08/09/1997	Luật K14 - B	8500220052360	2.73	78	Khá	610,000	3,050,000
98	DTZ1653801010252	VÀNG SEO	QUANG	15/09/1998	Luật K14 - C	8207205023571	3.60	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
99	DTZ1653801010182	NGUYỄN THỊ	HẢI	05/03/1998	Luật K14 - C	8500220058633	3.40	80	Giỏi	680,000	3,400,000

100	DTZ1653801010214	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	27/02/1998	Luật K14 - C	8500220059274	3.27	82	Giỏi	680,000	3,400,000
101	DTZ1653801010286	HOÀNG THỊ	PHƯỢNG	21/07/1997	Luật K14 - D	8500220062023	3.33	85	Giỏi	680,000	3,400,000
102	DTZ1653801010353	VŨ THỊ THU	UYÊN	21/03/1998	Luật K14 - D	8500220063604	3.20	85	Giỏi	680,000	3,400,000
103	DTZ1653801010280	HẠNG THỊ	DINH	20/12/1998	Luật K14 - D	8500220062017	3.20	85	Giỏi	680,000	3,400,000
104	DTZ1653801010402	LAO THỊ	VÂN	14/05/1998	Luật K14 - E	8500220061390	3.27	82	Giỏi	680,000	3,400,000
105	DTZ1653801010391	HOÀNG THỊ	DÍ	03/03/1997	Luật K14 - E	8500220061253	3.07	78	Khá	610,000	3,050,000
106	DTZ1653801010396	NGUYỄN THỊ	DIỄN	06/08/1998	Luật K14 - E	8500220061303	2.87	86	Khá	610,000	3,050,000
107	DTZ1653801010466	NÔNG THỊ THÙY	DƯƠNG	03/09/1998	Luật K14 - F	8500220077168	3.87	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
108	DTZ1653801010496	ĐINH THỊ	HẰNG	03/12/1995	Luật K14 - F	8500220077825	3.73	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
109	DTZ1353201010085	TRẦN LAN	PHƯƠNG	10/12/1995	Báo chí K11	8500220033293	3.65	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
110	DTZ1353201010120	NGUYỄN LỆ	LÂM	24/01/1995	Báo chí K11	8500220033678	3.47	83	Giỏi	680,000	3,400,000
111	DTZ1353201010098	NGUYỄN THANH	AN	20/07/1995	Báo chí K11	8500220033711	3.47	92	Giỏi	680,000	3,400,000
112	DTZ1353201010111	ĐÀO THỊ THU	HƯƠNG	08/05/1995	Báo chí K11	8500220033110	3.35	80	Giỏi	680,000	3,400,000
113	DTZ1355281020031	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	13/01/1995	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K11	8500220035559	4.00	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
114	DTZ1352201130020	CHU THỊ	CHIẾP	28/02/1995	Việt Nam học K11	8500220032731	4.00	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
115	DTZ1453201010062	NGUYỄN HÀ	QUYÊN	11/09/1996	Báo chí K12	8500220045030	3.73	93	Xuất sắc	750,000	3,750,000
116	DTZ1453201010068	ĐẶNG NGỌC	PHƯƠNG	02/11/1996	Báo chí K12	8500220045103	3.53	82	Giỏi	680,000	3,400,000
117	DTZ1453201010034	TRẦN LINH	CHI	06/01/1996	Báo chí K12	8500220039963	3.53	82	Giỏi	680,000	3,400,000
118	DTZ1455281020040	MA THỊ KHÁNH	HÒA	10/02/1996	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K12	8500220047217	3.63	86	Giỏi	680,000	3,400,000
119	DTZ1452203300039	BẾ THỊ HẢI	YẾN	21/02/1996	Văn học K12	8500220042939	3.20	85	Giỏi	680,000	3,400,000
120	DTZ1452203300048	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	28/09/1996	Văn học K12	8500220043280	3.15	86	Khá	610,000	3,050,000
121	DTZ1553201010031	NGUYỄN THỊ	LY	09/04/1996	Báo chí K13	8500220052614	3.63	98	Xuất sắc	750,000	3,750,000
122	DTZ1553201010021	ĐỖ MINH	HUỆ	20/12/1996	Báo chí K13	8500220052485	3.25	88	Giỏi	680,000	3,400,000
123	DTZ1553201010088	MA THỊ	HUẾ	01/06/1996	Báo chí K13	8500220055579	3.13	86	Khá	610,000	3,050,000
124	DTZ1555281020033	NGUYỄN THU	THẢO	01/08/1997	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	8500220051401	3.68	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
125	DTZ1555281020050	NÔNG THỊ	LINH	25/07/1997	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	8311205028013	3.53	82	Giỏi	680,000	3,400,000
126	DTZ1552203300013	LƯƠNG THỊ	NGỌC	10/06/1997	Văn học K13	8500220050473	3.41	89	Giỏi	680,000	3,400,000
127	DTZ1552203300012	NGUYỄN THỊ HỒNG	MƠ	27/06/1997	Văn học K13	8500220050467	3.29	86	Giỏi	680,000	3,400,000
128	DTZ1652203300005	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	15/03/1998	Văn học - K14	8500220059484	3.06	79	Khá	610,000	3,050,000
129	DTZ1653201010012	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LÂM	08/11/1998	Báo chí - K14	8500220057624	2.76	81	Khá	610,000	3,050,000
130	DTZ1655281020050	TRIỆU THỊ	TON	05/10/1998	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	8500220078761	3.60	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
131	DTZ1352203100066	NGUYỄN VĂN	QUÂN	26/10/1995	Lịch sử K11	8500220029795	3.86	90	Xuất sắc	750,000	3,750,000
132	DTZ1352203100014	MAI THỊ THÙY	LINH	07/10/1995	Lịch sử K11	8500220047042	3.86	94	Xuất sắc	750,000	3,750,000
133	DTZ1452203100008	DƯƠNG THỊ HẢI	THƯƠNG	17/06/1996	Lịch sử K12	8500220037770	3.64	91	Xuất sắc	750,000	3,750,000
		Cộng									**457,100,000**

Ấn định danh sách: 133 sinh viên. Trong đó: 48 sinh viên Xuất sắc, 51 sinh viên Giỏi, 34 sinh viên Khá./.